

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/DS-ST.
Ngày: 11-3-2021
V/v tranh chấp hợp đồng góp hội.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Thành Long
Bà Trần Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng góp hội. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST – DS ngày 23/02/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ L, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn C, sinh năm 1963 (có mặt) theo văn bản ủy quyền lập ngày 24/02/2021.

Hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Cùng địa chỉ tạm trú: Khóm V, phường O, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Ngô X, sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm V, phường O, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Lê N, sinh năm 1995 (Có mặt), Hộ khẩu thường trú: ấp N, xã Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở hiện nay: Khóm V, phường O, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 16/11/2020 và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Nguyễn C trình bày:

Ông là chồng của bà Hồ L. Năm 2018 bà L làm chủ hội, bà Ngô X là hội viên, bà X có tham gia đây hội 1.000.000 đồng, khai ngày 30/3/2018 âm lịch, mỗi tháng khai 01 lần, có 30 phần, bà X tham gia một phần. Đây hội này mãi ngày 30/7/2020 âm lịch. Bà X đã hốt hội lần thứ chín, bà L đã giao hội cho bà X

số tiền đã hốt được là 21.150.000 đồng vào ngày 04/12/2018 âm lịch cho con dâu bà X tên Lê N nhận tiền hui dùm bà X. Bà X có gửi lại cho bà L số tiền hui chết 01 lần là 1.000.000 đồng. Bà X còn nợ lại hui chết. Tuy nhiên, bà X còn tham gia của bà L thêm ba chung hui khác. Vào ngày 28/12/2019 âm lịch thì giữa bà L và bà X có tính toán lại số tiền bà X còn nợ thì xác nhận bà X còn nợ bà L số tiền 25.600.000 đồng nhưng khi hòa giải ngày 23/02/2021 thì bà L không có mang theo biên nhận lập ngày 28/12/2019 vì nên bà L có trình bày với Tòa án là thống nhất các dây hui bà X tham gia của bà L còn nợ lại số tiền theo như bà X trình bày là 21.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, ông C đại diện ủy quyền cho bà L cũng thống nhất tất cả các dây hui mà bà X tham gia của bà L thì bà X còn nợ bà L số tiền 21.000.000 đồng. Yêu cầu bà X trả cho bà L số tiền hui còn nợ là 21.000.000 đồng. Rút lại yêu cầu đối với chị Lê N. Còn đối với yêu cầu trả dần của bà X ông không đồng ý.

2/ Tại phiên tòa bị đơn bà Ngô X trình bày:

Bà có tham gia dây hui do bà Hồ L làm chủ hui, theo như chồng bà L trình bày bà tham gia của bà L bốn dây hui là đúng, ngoài dây hui 1.000.000 đồng theo đơn kiện của bà L thì bà còn tham gia hui của bà L ba dây hui khác. Giữa bà L và bà có tổng kết lại bà thiếu bà L số tiền 26.500.000 đồng, bà đã trả cho bà L được số tiền 5.500.000 đồng nên tổng các dây hui lại thì bà còn nợ bà L số tiền 21.000.000 đồng. Còn Lê N con dâu của bà thì chỉ nhận tiền đóng hui dùm bà, còn tiền hui và việc chơi hui là của riêng bà không có liên quan đến Lê N nên bà tự chịu trách nhiệm trả tiền hui cho bà L. Bà cũng khó khăn nên bà xin trả tiền cho bà L hàng tháng là 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, trả dần đến hết nợ.

3/ Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê N trình bày:

Chị là con dâu của bà Ngô X, tiền hui thì chị chỉ có nhận dùm mẹ chồng chị, chị nhận tiền hui cho mẹ chồng chị và giao đủ tiền hui lại cho mẹ chồng chị rồi nên chị không có liên quan gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn thay đổi một phần đơn khởi kiện; đương sự không thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ kiện. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Hồ L vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà L. Đồng thời tại phiên tòa đại diện nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu đối chị Lê N cùng với bà Ngô X chịu trách nhiệm trả nợ hui cho bà L. Việc thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu thay đổi này của đại diện nguyên đơn.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất bà Hồ L làm

chủ hội, bà Ngô X làm hội viên. Bà X có tham gia hội do bà L làm chủ bốn dây hội trong đó có dây hội 1.000.000 đồng khai ngày 30/3/2018 âm lịch, mỗi tháng khai một lần, có 30 phần, bà X tham gia 01 phần, bà X đã hốt hội ở lần khai thứ chín, bà L đã giao cho bà X số tiền hội hốt được là 21.150.000 đồng vào ngày 04/12/2018 âm lịch và do con dâu của bà X tên Lê N nhận tiền hội dùm. Hội đã mãn ngày 30/7/2020 âm lịch nhưng từ khi hốt hội được thì bà X chỉ đóng lại cho bà L một lần hội chết, còn lại 20 lần hội chết, mỗi lần 1.000.000 đồng thì bà X phải trả cho bà L số tiền 20.000.000 đồng. Tuy nhiên tổng kết lại với các dây hội khác thì tại biên bản hòa giải ngày 23/02/2021 các đương sự thống nhất bà X còn nợ bà L số tiền hội tổng cộng là 21.000.000 đồng. Tình tiết sự kiện được các đương sự thừa nhận là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cho nên Hội đồng xét xử xác định bà Ngô X còn nợ lại bà Hồ L số tiền hội tổng các dây hội bà X tham gia của bà L là 21.000.000 đồng. Xét việc tham gia chơi hội giữa các bên nhằm mục đích xoay sở trong gia đình trên cơ sở tự nguyện, việc này có xảy trên thực tế các bên đã thừa nhận. Sau khi bà X hốt hội của bà L đã không thực hiện đóng các lần hội chết đúng, đủ cho bà L, như vậy là bà X đã vi phạm nghĩa vụ cũng như không thực hiện đúng trách nhiệm của hội viên cho nên bà L yêu cầu bà X phải phân tiền hội cho bà L là có căn cứ. Nghĩ nên căn cứ các Điều 13, 16, 17, 20, 23, 25 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hội, họ, biếu, phưởng chấp nhận yêu cầu của bà L.

[3] Xét ý kiến của bị đơn bà X yêu cầu trả dần số tiền hội còn nợ bà L nhưng phía đại diện nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà X phải chịu là $21.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.050.000 \text{ đồng}$ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 13, 16, 17, 20, 23, 25 Nghị định 144/2016/NĐ-CP ngày 17/11/2006 của Chính phủ quy định về hội, họ, biếu, phưởng;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ L về việc yêu cầu bà Ngô X trả số tiền hối.

Buộc bà Ngô X trả cho bà Hồ L số tiền hối tổng cộng của các dây hối là 21.000.000đ (*Hai mươi một triệu đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi người được thi hành án yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người bị yêu cầu thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ngô X phải chịu án phí là 1.050.000đồng (*Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bà Hồ L không phải chịu án phí.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm (1);
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm (1);
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng (1);
- Các đương sự (7);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Thị Vàng